

ANNUAL REPORT  
**2013**

AN BINH SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**2013**

**MỤC LỤC**

- 02** I. THÔNG TIN CHUNG
- 06** II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 12** III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 17** IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
- 21** V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 25** VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên gọi đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**
- Tên gọi tắt bằng tiếng Việt: **CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**
- Tên gọi bằng tiếng Anh: **AN BINH SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **ABS**

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp số: 16/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 29/09/2006; Giấy phép bổ sung lần 1: số 266/QĐ-UBCK cấp ngày 18/04/2007; Giấy phép bổ sung lần 2: số 178/QĐ-UBCK cấp ngày 10/12/2008; Giấy phép bổ sung lần 3: số 365/UBCK-GP cấp ngày 02/11/2010  
Vốn điều lệ: 397 tỷ đồng

Vốn của chủ sở hữu: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco) và các cổ đông là tổ chức và cá nhân khác.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (084 4 ) 35624626 Fax: (084 4) 35624628

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập hoạt động ngày 29/09/2006 với tổng số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. ABS ra đời là kết quả của sự hợp tác thành công giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco).

ABS chính thức khai trương vào ngày 05/11/2006 và vốn điều lệ hiện nay là 397 tỷ đồng. Với tiềm lực tài chính vững mạnh cùng đội ngũ quản lý dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. ABS đã tạo được sự tin tưởng và gắn bó của khách hàng, đối tác với các sản phẩm dịch vụ chuyên về bán lẻ tiên phong trên thị trường.



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

**3.1 Ngành nghề kinh doanh:** Công ty đã được cấp phép và đăng ký tiến hành đầy đủ các dịch vụ kinh doanh đối với Công ty chứng khoán, bao gồm các dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp

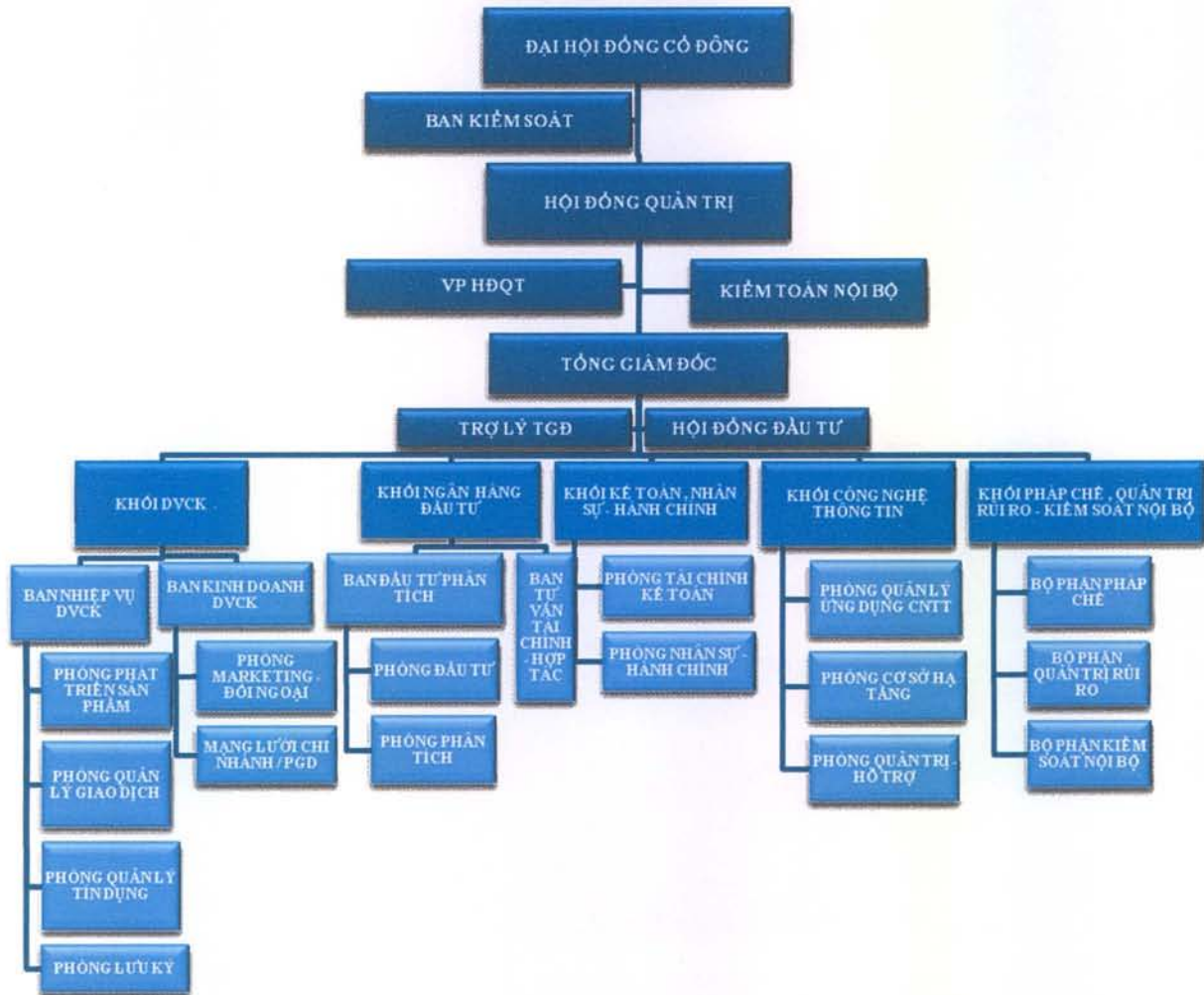
### 3.2 Địa bàn kinh doanh:

Tính đến cuối năm 2013, mạng lưới ABS gồm 09 Sàn giao dịch (Chi nhánh/ Phòng Giao dịch) tại 8 thành phố lớn.

Điểm kinh doanh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Sàn giao dịch Hội sở	Số 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	04 3562 4626	04 3562 4628
PGD Mỹ Đình	Số 26 - 28, Phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	04 3787 5817	04 3787 5818
Chi nhánh Bắc Ninh	Số 10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiên An, TP. Bắc Ninh	0241 389 3088	0241 389 3087
Chi nhánh Thái Bình	Số 399 Lê Quý Đôn TP. Thái Bình	036 625 5556	036 625 5557
Chi nhánh Hải Phòng	Số 97 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, TP Hải Phòng	031 356 9190	031 356 9191
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 09 Yên Bái, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0511 365 3992	0511 365 3991
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Tầng 2, Phòng 201, Tòa nhà SMART VIEW số 161A-163-165 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP HCM	08 3838 9655	08 3838 9656
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 21 Lê Lợi, Phường 4, TP. Vũng Tàu	064 354 3166	064 354 3168
Chi nhánh Huế	Số 41- 43 Bến Nghé, Phường Phú Hội, TP. Huế	054 3831 133	054 383 1656



**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**



Các công ty con/ công ty liên kết: không có

**5. Định hướng phát triển:**

Nhằm xây dựng uy tín vững chắc trên thị trường, ABS đã xác định rõ định hướng phát triển lâu dài thông qua Tâm nhìn và Sứ mệnh ABS.

### **TÂM NHÌN ABS**

*Chúng tôi xây dựng ABS trở thành công ty bán lẻ hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ tài chính chứng khoán:*

- *Chất lượng dịch vụ hoàn hảo*
- *Sản phẩm đa dạng và chuyên biệt*
- *Phong cách phục vụ chuyên nghiệp*
- *Độ tin cậy cao với một nền tảng tài chính vững chắc*

### **SỨ MỆNH ABS**

- *Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gia tăng giá trị cho cổ đông và đối tác*
- *Chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân sự và cơ cấu tổ chức hoạt động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự nỗ lực phấn đấu, đóng góp và gắn bó lâu dài với công ty*
- *Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính chứng khoán với chất lượng cao và sự khác biệt*
- *Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch hiện đại, tiên tiến đáp ứng hoàn hảo nhu cầu giao dịch của khách hàng, tổ chức và các mạng lưới chi nhánh, đảm bảo an toàn kinh doanh*
- *“Kết Nối” giữa doanh nghiệp cần vốn và nhà đầu tư; giữa người cần mua và người cần bán; giữa các nhà đầu tư; giữa thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài để cùng nhau đi tới “Thành Công”*

#### **6. Các rủi ro:**

- Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ của bối cảnh kinh tế, tình hình thị trường tài chính, tiền tệ. Mặc dù đã có những tín hiệu phục hồi khá tích cực vào những tháng cuối năm 2013, tuy nhiên nhìn tổng thể cả năm 2013 vẫn chịu những hậu quả của nền kinh tế tăng trưởng thấp, vấn đề lạm phát, sản xuất trì trệ, sức cầu tiêu dùng yếu, nợ xấu vẫn chưa có chuyển biến đáng kể.



- Mức độ cạnh tranh trên thị trường giữa các công ty chứng khoán vẫn tiếp tục khốc liệt.
- Chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng, điều hành linh hoạt.
- Phát sinh chi phí lớn để chuyển đổi, nâng cấp hệ thống công nghệ giao dịch tiện ích hiện đại phục vụ khách hàng và phù hợp với những thay đổi của Sở giao dịch.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

*Đơn vị tính : triệu đồng*

CHỈ TIÊU		Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	So sánh thực hiện với kế hoạch
<b>Doanh thu</b>		54.522	46.810	116 %
Trong đó:	Doanh thu chính	28.892	23.060	125 %
	Doanh thu hoạt động nguồn vốn	25.630	23.750	108 %
<b>Chi phí kinh doanh</b>		16.079	13.121	123 %
Trong đó:	CP kinh doanh chính	14.282	9.901	144 %
	CP lãi vay	1.797	3.220	56 %
<b>Chi phí hoạt động</b>		36.228	30.689	118 %
<b>Thu khác</b>		837		
<b>Lợi nhuận</b>		3.052	3.000	102%

Trong năm 2013, tuy đã có những tín hiệu tích cực trong những tháng cuối năm nhưng nhìn chung cả năm 2013, tình hình kinh tế chung của thế giới cũng như trong nước không thuận lợi. Tuy nhiên, ABS vẫn là một trong số ít những công ty chứng khoán hoạt động kinh doanh có lãi và đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra.



## 2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban Tổng giám đốc không có sự thay đổi gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày sinh	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ sở hữu CP biểu quyết
1	<b>Ông Nguyễn Thanh Hải</b>	TGD	23/11/1975	011745958	25/7/2006	HN	Không
2	<b>Bà Nguyễn Thị Khánh</b>	Phó TGD	15/12/1973	012915656	9/11/2006	HN	Không
3	<b>Ông Lương Thành Trung</b>	Kế toán trưởng	27/09/1979	013213638	14/07/2009	HN	Không

Đầu năm 2013, ABS có 95 cán bộ nhân viên. Đến cuối năm 2013, số lượng cán bộ nhân viên là 78. Chính sách đối với người lao động được duy trì và bảo đảm ổn định với chế độ tốt. Cán bộ nhân viên hưởng lương cơ bản, lương kinh doanh, phụ cấp quản lý và được hưởng lương tháng thứ 13. Nhân viên ký hợp đồng 3 tháng đến 6 tháng được tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đối với nhân viên ký hợp đồng 6 tháng trở lên được tham gia đóng thêm bảo hiểm thất nghiệp và các phúc lợi khác như khám bệnh định kỳ, tổ chức các hoạt động tập thể để tăng cường đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau như: dã ngoại tập thể, tiệc nhân viên, sinh nhật nhân viên, các hoạt động thăm hỏi hiếu hỷ... theo quy chế nội bộ của Công ty. Với mục tiêu khuyến khích và tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực gắn bó lâu dài với ABS, công ty đã thực hiện 02 chương trình đào tạo (Đào tạo nội bộ và đào tạo thuê ngoài) cho cán bộ nhân viên, trong đó, 01 khóa đào tạo về “Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong Call Center” và 01 khóa đào tạo về “Nâng cao năng lực Quản lý cấp trung”. Hai khóa đào tạo đã nhận được sự hưởng ứng và tham gia nhiệt tình của cán bộ nhân viên, từ đó, cán bộ nhân viên ABS đã đạt được nhiều kết quả tốt trong kỳ khảo sát cũng như khi áp dụng vào thực tiễn công việc hàng ngày. Ngoài ra, cuối năm 2013, ABS đã kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán tổ

chức các khóa học về chứng khoán để tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên hoàn thành các chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không phát sinh
- Các công ty con, công ty liên kết: Không phát sinh.

### 4. Tình hình tài chính:

#### 4.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	456.796.276.541	751.218.216.188	64.45%
<b>Doanh thu thuần</b>	58.679.689.949	54.522.055.285	(7.09%)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	7.043.463.382	2.214.570.001	(68.56%)
<b>Lợi nhuận khác</b>	(680.551.076)	837.600.160	223.08%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	6.362.912.306	3.052.170.161	(52.03%)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	6.362.912.306	3.052.170.161	(52.03%)
<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>			



**4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,43	1,54	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	3,43	1,54	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,98	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,128	0,07	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,108	0,056	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,017	0,008	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,014	0,004	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,041	



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 39.700.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 23.278.154 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 16.421.846 cổ phần (phong tỏa theo yêu cầu của chủ sở hữu)

### 5.2 Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông: 45 cổ đông, trong đó:

- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%) là 04 cổ đông, cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) là 41 cổ đông. Cơ cấu cổ đông lớn cụ thể như sau:

STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	0100514947 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 23/06/2011	36 Hoàng Cầu, Q Đống Đa, TP. Hà Nội	42,5%	168.705.620.000
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0106000804 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 21/11/2006	18 Trần Nguyên Hãn, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	28,93%	114.868.530.000
3	Ngân hàng TMCP An Bình	0301412222 do Sở KH-ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp 13/12/2011	170 Hai Bà Trưng, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	5,02%	20.650.000.000
4	Đào Mạnh Kháng	012073456 do CA Hà Nội cấp ngày 25/08/2005	Số 17 ngõ 61 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	6,34 %	25.150.000.000
5	Các cổ đông nhỏ			17,03%	67.625.850.000
	Tổng cộng			100%	397.000.000.000

- Cổ đông tổ chức: 05 cổ đông, cổ đông cá nhân: 40 cổ đông. Cơ cấu cổ đông tổ chức cụ thể như sau:

STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội	0100514947 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 23/06/2011	36 Hoàng Cầu, Q Đống Đa, TP. Hà Nội	42,5%	168.705.620.000
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0106000804 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 21/11/2006	18 Trần Nguyên Hãn, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	28,93%	114.868.530.000
3	Ngân hàng TMCP An Bình	0301412222 do Sở KH-ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp 13/12/2011	170 Hai Bà Trưng, P Đa Kao, Quận 1. Tp Hồ Chí Minh	5,02%	20.650.000.000
4	Công ty CP Đầu tư Tài chính An Bình	0103018655 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp ngày 01/08/2007	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	2,02 %	8.000.000.000
5	Các cổ đông cá nhân			17,9%	71.075.850.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>	<b>397.000.000.000</b>

- Cổ đông trong nước: 45 cổ đông sở hữu 100% vốn điều lệ.  
Cổ đông nước ngoài: 0 cổ đông
- Cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, cổ đông khác: 44 cổ đông.  
Cơ cấu cổ đông nhà nước cụ thể như sau:



STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0106000804 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 21/11/2006	18 Trần Nguyễn Hãn. Q. Hoàn Kiếm. TP.Hà Nội	28,93%	114.868.530.000
2	Cổ đông khác			71,07%	282.131.470.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>	<b>397.000.000.000</b>

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1 Báo cáo kết quả hoạt động KD:

<b>Doanh thu</b>	54.522 triệu đồng
<b>Chi phí kinh doanh</b>	16.079 triệu đồng
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	38.442 triệu đồng
<b>Chi phí quản lý</b>	36.228 triệu đồng
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	2.214 triệu đồng
<b>Thu khác</b>	837 triệu đồng
<b>Lợi nhuận</b>	3.052 triệu đồng

Lợi nhuận thực hiện đạt 3.052 triệu đồng, đạt 102% kế hoạch năm.



Kế hoạch lợi nhuận 2013 đặt ra là 3.000 triệu đồng. Chỉ tiêu này đặt ra không cao do dự báo về tình hình khó khăn trong năm 2013 vẫn còn tiếp diễn, ngoài ra định hướng của HĐQT giai đoạn này là kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững. Với kết quả lợi nhuận thực hiện đạt 3.052 triệu đồng, ABS đã đạt 102% kế hoạch năm. Trong điều kiện tình hình khá nhiều công ty chứng khoán khác thua lỗ, phá sản hoặc sát nhập, nhưng ABS vẫn hoàn thành kế hoạch và đạt mức tăng trưởng bền vững. So về quy mô vốn thì tỉ suất lợi nhuận ABS đạt được là tương đối cao trên thị trường.

## **1.2 Những tiên bộ công ty đã đạt được:**

- Tổng số tài khoản mở đến 31/12/2013: 24.546 tài khoản, trong đó số tài khoản mở mới trong năm 2013 là 425 tài khoản và số tài khoản đóng trong năm là 65 tài khoản.
- Thị phần trung bình của cả 2 sản phẩm năm 2013 là 1,36%. Phí giao dịch đạt 16,4 tỷ đồng cho cả năm 2013, trung bình tháng đạt 1,36 tỷ đồng.
- Trong năm 2013, ABS vẫn tiếp tục rà soát các điểm giao dịch, thực hiện chuyển địa điểm cho chi nhánh Hải Phòng và Phòng Giao dịch Mỹ Đình sang mặt bằng mới với chi phí thấp hơn và hiệu quả kinh doanh cao hơn, thành lập chi nhánh mới của ABS tại Huế.
- Triển khai cung cấp nhiều tiện ích giao dịch mới như ABS – Web, ABS – Smartphone; gói dịch vụ mới như ABS – Platinum để đáp ứng nhiều hơn nhu cầu của khách hàng.
- Dự nợ giao dịch ký quỹ của khách hàng được quản lý, theo dõi thường xuyên, chặt chẽ đảm bảo kiểm soát rủi ro thị trường, rủi ro hệ thống các khoản vay khách hàng. Đồng thời, ABS tiếp tục thu hồi các khoản nợ tồn đọng của những năm trước.
- Danh mục đầu tư được cơ cấu lại theo đúng định hướng, dự nợ đầu tư tiếp tục được quản lý chặt chẽ. Hoạt động đầu tư được thực hiện một cách thận trọng và đảm bảo an toàn.

tại Huế nhiều tiềm năng, vì vậy, ban điều hành ABS đã thành lập chi nhánh tại Huế vào tháng 10/2013.

- Ban hành Điều lệ Công ty mới phù hợp với các quy định trong Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.

- Ban hành Quy chế quản trị rủi ro & xây dựng hệ thống tổ chức quản trị rủi ro công ty và các quy chế tổ chức khác.

- Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của cơ chế chính sách pháp luật và phù hợp hơn với tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức; thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ chất lượng nhân viên nhằm nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

##### **4.1 Các điểm mạnh và thuận lợi:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường cho thấy những tín hiệu hồi phục nhất định, tuy chưa mạnh mẽ nhưng cũng là điều kiện thuận lợi để từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

- Tình hình tài chính ABS nằm trong vùng an toàn, luôn duy trì tốt tỷ lệ an toàn, vốn khả dụng. ABS đã kiểm soát chi phí và rủi ro khá tốt. Ở thời điểm hiện tại đây là một lợi thế lớn.

- ABS đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong những năm qua, duy trì được lượng khách hàng ổn định, gắn bó lâu dài, bám sàn, bám thị trường. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán đạt 24.546 tài khoản là cơ sở thu hút nhà đầu tư và mở rộng thị phần.

- Việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính của ABS đều chú trọng đến yếu tố rủi ro và thực tế đã kiểm soát rủi ro khá tốt.



- Có hậu thuẫn tốt từ Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), cổ đông sáng lập như Geleximco, EVN.
- Xây dựng được văn hóa công ty tạo môi trường tốt cho CBCNV. Ban Giám đốc ABS đều là những người có nhiều kinh nghiệm và thể hiện quyết tâm gắn bó lâu dài và đoàn kết trong mọi hoạt động.

#### **4.2 Các điểm yếu và khó khăn:**

- Cuối năm 2013 với những tín hiệu tích cực của thị trường chứng khoán đã đem lại kỳ vọng lớn cho nhà đầu tư vào năm 2014. Mặc dù vậy, nền kinh tế nói chung vẫn được đánh giá là còn nhiều khó khăn với tăng trưởng kinh tế thấp cùng với các vấn đề về lạm phát, nợ xấu, hàng tồn kho, suy giảm lòng tin của nhà đầu tư đã kéo theo thị trường chứng khoán thanh khoản thấp. Trong năm 2013, bên cạnh việc tiếp tục thực thi nhiều biện pháp nhằm kiểm soát hoạt động an toàn tài chính và hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ của các công ty chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch cũng đưa vào vận hành các cơ chế giao dịch mới, các sản phẩm thị trường mới. Tuy nhiên, các cơ chế giao dịch và các sản phẩm này chưa được các nhà đầu tư thực sự quan tâm, sử dụng nhiều (các loại lệnh mới của HNX, các quỹ mở...)
- Chính sách tiền tệ vẫn tiếp tục theo hướng thận trọng, điều hành linh hoạt.
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường rất khốc liệt. Các CTCK trong TOP 20 CTCK chiếm hơn 90% thị phần môi giới và vẫn tiếp tục cạnh tranh mở rộng thị phần.
- Vốn điều lệ 397 tỷ của ABS hiện nay được xếp vào nhóm các công ty có vốn trung bình và gặp nhiều khó khăn khi muốn mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng.
- Lãi suất tiền gửi được hạ thấp có tác dụng tương đối tích cực với hoạt động giải ngân của khách hàng nhưng cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh vốn của ABS. Dự kiến doanh thu của hoạt động này năm 2014 cố gắng duy trì được mức tương đương năm 2013 mặc dù lãi suất cho vay bình quân đã giảm khoảng 20% so với năm 2013.
- Hoạt động đầu tư chưa có hiệu quả cao. Danh mục đầu tư cũ còn nhiều khoản tồn đọng, thanh khoản thấp.



- Dự kiến việc tái cấu trúc TTCK theo hướng gộp hai Sở giao dịch chứng khoán một sẽ được thực hiện từ quý 2/2014. Điều này đang làm phát sinh chi phí lớn để chuyển đổi hệ thống công nghệ giao dịch hiện tại của ABS để phù hợp với yêu cầu của Sở giao dịch mới.

- Chất lượng đội ngũ quản lý cấp trung trưởng phó phòng còn hạn chế về kỹ năng quản trị.

#### **4.3 Định hướng và mục tiêu phát triển:**

Căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của ABS trên thị trường chứng khoán Việt Nam, căn cứ định hướng chỉ đạo của HĐQT, đồng thời xét đến những kết quả đã đạt được trong năm 2013 và cơ hội đầu tư trên TTCK Việt Nam trong năm 2014, Ban Tổng Giám đốc ABS xác định rõ năm 2014 sẽ triển khai theo định hướng phát triển như sau:

Tiếp tục phấn đấu đưa ABS trở thành công ty bán lẻ hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính, chứng khoán, trong đó cụ thể các nhiệm vụ chính năm 2014 được đặt ra như sau:

- 1- Tối ưu hóa hiệu suất sử dụng sử dụng vốn và mở rộng nguồn vốn kinh doanh;*
- 2- Tăng cường hoạt động Môi giới và Tư vấn tài chính kết hợp với quản trị rủi ro chặt chẽ. Cân nhắc triển khai hoạt động đầu tư niêm yết khi thị trường thuận lợi;*
- 3- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động nhân viên.*

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2013 là một năm có nhiều khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng. Đứng trước hiện trạng đó, HĐQT ABS tiếp tục thực hiện công tác chỉ đạo, theo sát hoạt động kinh doanh của Công ty và đưa ra

phương hướng, chiến lược cụ thể để Ban điều hành tiến hành triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả nhất.

Ban Tổng Giám đốc ABS thực hiện rất sát theo chỉ đạo: tập trung vào việc tối ưu hóa dòng vốn và Kiểm soát giá vốn; Quản trị Khách hàng - Kiểm soát rủi ro tốt - Đa dạng hóa nguồn thu mới; Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động nhân viên. Đồng thời các hoạt động của ABS đã triệt để thực hiện theo chỉ đạo của Nghị quyết HĐQT đầu năm 2013: Mục tiêu bảo toàn vốn là trọng tâm, tăng cường các biện pháp quản lý hiệu quả chi phí như: rà soát đóng cửa các chi nhánh hoạt động kém hiệu quả; tinh giảm bộ máy; hoạt động kinh doanh thận trọng; đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận...

Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2013, ABS đạt được kết quả như sau:

- + Doanh thu đạt: 54.522 tỷ đồng
- + Chi phí kinh doanh: 16.079 tỷ đồng
- + Chi phí hoạt động: 36.288 tỷ đồng
- + Lợi nhuận đạt: 3.052 tỷ đồng, đạt 102 % so với kế hoạch.

Lợi nhuận năm 2013 được mang lại chủ yếu từ các hoạt động: môi giới, cung cấp sản phẩm giao dịch ký quỹ và hoạt động đầu tư & tư vấn tài chính

Nhìn chung với kết quả đạt được như trên, ABS đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

Năm 2013 HĐQT đã giám sát công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc công ty một cách sát sao. Ban Tổng Giám đốc công ty đã tiếp nhận chủ trương và hoàn thành tốt các chỉ đạo của HĐQT, cụ thể:

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 của Công ty CP Chứng khoán An Bình tại 36 Hoàng Cầu vào ngày 12/04/2013, tại cuộc họp này Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Điều lệ Công ty (điều lệ mới) đáp ứng yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT- BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính quy định về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.



- HĐQT chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Tổng Giám đốc đảm bảo việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của HĐQT và triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra trong năm 2013.

- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc giảm thiểu chi phí, cân đối giữa chi và thu, tiết giảm chi phí. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục cơ cấu lại nhân sự nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng lao động.

- Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo thường xuyên hoạt động cung cấp dịch vụ ký quỹ, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc quản lý chặt chẽ các tài khoản ký quỹ lớn để đánh giá và có phương án xử lý kịp thời.

- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp cơ cấu lại các khoản đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành quy chế quản trị rủi ro, xây dựng đồng bộ hệ thống quản trị rủi ro và xây dựng các quy trình theo yêu cầu của pháp luật.

- HĐQT đã thông qua việc ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ; thông qua việc chuyển địa điểm giao dịch chi nhánh Hải Phòng, PGD Mỹ Đình, thành lập chi nhánh Huế...đảm bảo theo đúng quy định về tổ chức hoạt động của công ty chứng khoán.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục tập trung nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của nhân viên, tối ưu hóa dòng vốn và kiểm soát giá vốn, quản trị khách hàng – kiểm soát rủi ro tốt – đa dạng hóa nguồn thu mới.

Với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT và sự giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc ABS đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao phó.

Phát huy điều đó, trong năm 2014, HĐQT cùng Ban kiểm soát sẽ thường xuyên chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:**

Thị trường 2014 được đánh giá khả quan hơn năm 2013. Tuy nhiên nền kinh tế chưa thể lấy lại được đà tăng trưởng nhanh và mạnh.

Căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và rủi ro của ABS trên thị trường chứng khoán Việt Nam. HĐQT ABS xác định rõ năm 2014 sẽ tiếp tục kinh doanh một cách thận trọng, triển khai định hướng phát triển như năm 2013, cụ thể như sau:

#### **\* Định hướng phát triển:**

Tiếp tục phát triển một cách bền vững nhằm từng bước đưa ABS trở thành công ty bán lẻ hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính, chứng khoán.

#### **\* Nhiệm vụ chính năm 2014:**

- 1- Tối ưu hóa hiệu suất sử dụng sử dụng vốn và mở rộng nguồn vốn kinh doanh;*
- 2- Tăng cường hoạt động Môi giới và Tư vấn tài chính kết hợp với quản trị rủi ro chặt chẽ. Cân nhắc triển khai hoạt động đầu tư niêm yết khi thị trường thuận lợi;*
- 3- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động nhân viên.*



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cp có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu cp Chứng khoán khác do cty phát hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại cty khác	Ghi chú
1	Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	0%	Không có	07	Thành viên không điều hành
2	Hoàng Văn Tuyền	Thành viên HĐQT	0%	Không có	01	Thành viên không điều hành
3	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT	0%	Không có	03	Thành viên không điều hành

#### 1.2 Hoạt động của HĐQT:

Năm 2013 là một năm hoạt động tích cực của HĐQT, với việc kiện toàn lại và theo sát thường xuyên hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp để đưa ra các chỉ đạo kịp thời, linh hoạt, và phù hợp với diễn biến của thị trường và đưa ra phương hướng hoạt động, giải quyết những khó khăn còn tồn tại. Cụ thể như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý và đề ra kế hoạch kinh doanh cho từng tháng, từng quý tiếp theo.

- Chi đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục hỗ trợ Khối ngân hàng đầu tư phát huy hoạt động hiệu quả, cần đa dạng các dịch vụ, giao chi tiêu cụ thể để thúc đẩy hoạt động để tăng doanh thu.
- Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải đặc biệt lưu ý vấn đề kiểm soát rủi ro trong hoạt động cung cấp dịch vụ ký quỹ. Cần rà soát thường xuyên các khoản dư nợ để kịp thời đánh giá và có phương án xử lý kịp thời.
- Yêu cầu ABS cần đặt mục tiêu an toàn, ổn định lên trên hết. ABS cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới, đặc biệt quan tâm đến hoạt động của Khối Ngân hàng đầu tư để đón nhận các cơ hội khi thị trường phục hồi. Tiếp tục giảm thiểu chi phí, cân đối giữa chi và thu, tiết giảm chi phí cụ thể như: tinh giảm bộ máy, giao nhiệm vụ chi tiết cho từng nhân sự, đánh giá năng suất lao động đến từng người, từng bộ phận. Tiếp tục chú trọng việc quản lý tài sản, kiểm soát rủi ro.

Năm 2014, HĐQT tiếp tục thực hiện công tác chỉ đạo, theo sát hoạt động kinh doanh của công ty và đưa ra phương hướng, chiến lược cụ thể để Ban điều hành tiến hành triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất, đồng thời thực hiện kiểm soát theo chiều sâu của một số hoạt động cụ thể nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro cho Công ty; cùng Ban Kiểm soát tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo từng tháng, từng quý; tạo lập kênh thông tin hiệu quả giữa HĐQT- Ban Tổng giám đốc - Ban Kiểm soát.

### 1.3 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

STT	Họ tên	Chức danh
1	Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Văn Tuyền	Thành viên HĐQT
3	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT





## 2. Ban kiểm soát:

### 2.1 Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần các chứng khoán khác do cty phát hành
1	Đào Mạnh Kháng	Trưởng ban	6,34%	Không có
2	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	0%	Không có
3	Hoàng Tú Uyên	Thành viên	0%	Không có

### 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2013, Ban Kiểm soát thực hiện việc theo sát thường xuyên hoạt động kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc và các cuộc gặp định kỳ hàng quý.

Hoạt động của Ban Kiểm soát luôn theo sát tình hình kinh doanh của Công ty - đảm bảo không chông chéo với hoạt động điều hành. Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã tiến hành nhiều cuộc họp thảo luận theo chuyên đề tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh. Ban Kiểm soát đã có những kiến nghị kịp thời với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tiết kiệm chi phí quản lý, kiểm soát rủi ro các hoạt động đầu tư và các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư.

Năm 2013, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát theo như quy định, đồng thời thực hiện kiểm soát theo chiều sâu của một số hoạt động cụ thể nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro cho Công ty, đồng thời yêu cầu Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ phận Kiểm soát nội bộ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh thường xuyên định kỳ theo từng tháng, từng quý; tạo lập kênh thông tin hiệu quả giữa HĐQT- Ban Tổng Giám đốc - Ban Kiểm soát.

**3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:**
**3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập tính thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	132.000.000	13.200.000	
2	Ông Hoàng Văn Tuyền	TV HĐQT	91.000.000	0	
3	Ông Bùi Trung Kiên	TV HĐQT	91.000.000	0	
4	Ông Đào Mạnh Kháng	Trưởng BKS	78.000.000	7.800.000	
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	TV BKS	65.000.000	0	
6	Bà Hoàng Tú Uyên	TV BKS	65.000.000	6.500.000	
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	TGD	717.199.200	144.959.764	Đã trừ khoản đóng Bảo hiểm
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.239.199.200</b>	<b>144.987.264</b>	

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngân hàng TMCP An Bình	Cổ đông sáng lập	3.435.000	8,65%	2.065.000	5.2 %	Bán cho Công ty TNHH MTV QL Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-30



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Tuyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Thành Trung	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đào Mạnh Kháng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên
Bà Hoàng Tú Uyên	Ủy viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.







## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 15 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31/12/2012, số dự phòng chưa trích lập của các khoản phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư đã quá hạn thanh toán là 13,970 tỷ đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 phản ánh tăng số tiền trên, đồng thời chưa phản ánh lên chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" trong Bảng cân đối kế toán năm 2012 số tiền tương ứng. Trong năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng của các khoản phải thu này với số tiền 4,487 tỷ đồng, làm cho chỉ tiêu chỉ tiêu " Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 giảm đi 4,487 tỷ đồng. Số dự phòng phải thu khó đòi chưa được trích lập đến thời điểm 31/12/2013 là 9,482 tỷ đồng và chưa phản ánh vào chỉ tiêu " Dự phòng phải thu khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2013.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đang đầu tư vào cổ phiếu của các công ty cổ phần chưa niêm yết với số tiền 91,310 tỷ đồng, tương đương 24,02% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013). Tuy nhiên, Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư trên số tiền 27,634 tỷ đồng, dẫn đến giá trị thuần của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết số tiền là 63,676 tỷ đồng, tương đương 16,75% vốn chủ sở hữu. Trong năm 2013, Công ty cũng đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với số tiền 2.000 tỷ đồng, tương đương 526,05% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013), điều này vượt quá tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại khoản 3, điều 44, Thông tư 210/2011/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên, khoản đầu tư vào trái phiếu BIDV đã được tất toán ngay sau thời điểm đầu tư. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty cũng đã có lộ trình để thoái bớt nhằm đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>571.761.727.934</b>	<b>273.324.042.609</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>188.948.022.681</b>	<b>102.136.943.628</b>
111	1. Tiền		116.948.022.681	82.136.943.628
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.000.000.000	20.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>167.099.531.027</b>	<b>57.937.230.736</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		196.442.984.994	81.505.259.911
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(29.343.453.967)	(23.568.029.175)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>214.221.544.856</b>	<b>111.164.147.423</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		146.341.250	13.582.733.000
132	2. Trả trước cho người bán		311.782.720	3.534.718.400
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		2.314.027.527	1.999.523.661
138	5. Các khoản phải thu khác		219.362.268.312	95.454.293.029
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.912.874.953)	(3.407.120.667)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.492.629.370</b>	<b>2.085.720.822</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.396.027.370	1.322.319.933
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		96.602.000	763.400.889
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>179.456.488.254</b>	<b>183.472.233.932</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>151.055.389.159</b>	<b>155.973.098.315</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	14.787.392.013	16.433.169.172
222	- Nguyên giá		26.389.505.548	29.248.242.514
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.602.113.535)	(12.815.073.342)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>8</b>	136.267.997.146	78.039.929.143
228	- Nguyên giá		151.509.804.185	90.081.031.385
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.241.807.039)	(12.041.102.242)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	61.500.000.000
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20.000.000.000	20.000.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.401.099.095</b>	<b>7.499.135.617</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>10</b>	177.733.405	165.058.379
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	<b>11</b>	7.502.382.274	6.708.580.222
268	4. Tài sản dài hạn khác		720.983.416	625.497.016
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>751.218.216.188</b>	<b>456.796.276.541</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>371.024.865.688</b>	<b>79.655.096.202</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>371.024.865.688</b>	<b>79.655.096.202</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	255.158.295.752	-
312	2. Phải trả người bán		459.477.664	799.802.044
313	3. Người mua trả tiền trước		450.000.000	105.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	670.537.311	373.391.436
315	5. Phải trả người lao động		1.778.801.774	1.462.866.396
316	6. Chi phí phải trả	14	836.378.392	569.700.999
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	110.816.992.127	75.302.867.026
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	765.123.818	561.679.501
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		89.258.850	479.788.800
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>380.193.350.500</b>	<b>377.141.180.339</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>380.193.350.500</b>	<b>377.141.180.339</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	5.973.357.884
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22.780.007.384)	(25.832.177.545)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>751.218.216.188</b>	<b>456.796.276.541</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.082.782.040.000	2.130.119.210.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.942.839.120.000	2.006.615.350.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		85.455.070.000	11.323.240.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.851.545.300.000	1.995.256.360.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		5.838.750.000	35.750.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		38.732.930.000	36.786.630.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		38.732.930.000	36.786.630.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		41.142.000.000	19.142.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		41.142.000.000	19.142.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		53.783.200.000	59.146.200.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		4.300.000	20.100.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		53.778.900.000	59.126.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		6.284.790.000	8.429.030.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		130.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		6.284.660.000	8.429.030.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		36.443.400.000	47.972.080.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		36.373.400.000	47.203.210.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		833.400.000	2.070.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		35.540.000.000	47.201.140.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		70.000.000	768.870.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		70.000.000	768.870.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		68.075.700.000	39.038.200.000

*Phạm Thị Vân*

Phạm Thị Vân  
Người lập

*Lương Thành Trung*

Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Thanh Hải*  
Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu	18	54.522.055.285	58.679.689.949
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		17.543.630.132	16.775.708.818
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		6.781.420.421	7.175.686.560
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		1.606.818.570	300.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.184.756.447	872.430.252
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.497.842.192	1.297.193.738
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		271.565.182	144.761.819
01.9	Doanh thu khác		25.636.022.341	32.113.908.762
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	54.522.055.285	58.679.689.949
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	16.079.400.098	15.853.758.827
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		38.442.655.187	42.825.931.122
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	36.228.085.186	35.782.467.740
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.214.570.001	7.043.463.382
31	8. Thu nhập khác		837.600.160	43.091.424
32	9. Chi phí khác		-	723.642.500
40	10. Lợi nhuận khác		837.600.160	(680.551.076)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.052.170.161	6.362.912.306
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.052.170.161</u>	<u>6.362.912.306</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	77	160

  
Phạm Thị Vân  
Người lập

  
Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.052.170.161	6.362.912.306
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.057.371.232	5.796.536.067
03	- Các khoản dự phòng		10.281.179.078	783.965.123
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.122.037.692)	(35.734.840.034)
06	- Chi phí lãi vay		1.797.505.723	2.788.182.971
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.933.811.498)	(20.003.243.567)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(107.690.154.882)	27.742.339.922
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(114.937.725.083)	55.350.153.911
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		36.201.473.734	8.838.110.844
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		68.385.461	1.103.303.890
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.797.505.723)	(2.867.474.639)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.638.926	6.634.869.500
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(126.125.326)	(6.396.184.750)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(196.174.824.391)	70.401.875.111
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(294.430.000)	(65.054.425.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	24.809.091
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.122.037.692	35.725.784.434
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.827.607.692	(29.303.831.475)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.065.186.450.587	841.169.996.361
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.810.028.154.835)	(842.169.996.361)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		255.158.295.752	(1.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		86.811.079.053	40.098.043.636



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		102.136.943.628	62.038.899.992
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	188.948.022.681	102.136.943.628

*Phạm Thị Vân*

*Lương Thành Trung*



*Nguyễn Thanh Hải*

Phạm Thị Vân  
Người lập

Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2013

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	-	-	397.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	5.973.357.884	-	-	5.973.357.884
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(25.832.177.545)	3.052.170.161	-	(22.780.007.384)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>17</b>	<b>377.141.180.339</b>	<b>3.052.170.161</b>	<b>-</b>	<b>380.193.350.500</b>

Năm 2012	Thuyết minh	01/01/2012 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2012 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	-	-	397.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	5.973.357.884	-	-	5.973.357.884
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(32.195.089.851)	6.362.912.306	-	(25.832.177.545)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>17</b>	<b>370.778.268.033</b>	<b>6.362.912.306</b>	<b>-</b>	<b>377.141.180.339</b>

*Phạm Thị Vân*

Phạm Thị Vân  
Người lập

*Lương Thành Trung*

Lương Thành Trung  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Thanh Hải*  
Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu
- Phòng Giao dịch tại Mỹ Đình

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn của Công ty, do đó Công ty không trích khấu hao.

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 01 năm tài chính.

**2.7 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.



**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.14 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>14.284.021</b>	<b>4.300.559.505.917</b>
- Cổ phiếu	14.280.021	300.559.505.917
- Trái phiếu	4.000	4.000.000.000.000
<b>Của người đầu tư</b>	<b>1.178.239</b>	<b>7.914.978.000.000</b>
- Cổ phiếu	778.239	7.872.313.000.000
- Trái phiếu	400.000	42.665.000.000
	<b>15.462.260</b>	<b>12.215.537.505.917</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	7.525.462.171	7.750.418.730
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	109.422.560.510	74.386.524.898
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	72.000.000.000	20.000.000.000
	<b>188.948.022.681</b>	<b>102.136.943.628</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>			<b>196.442.984.994</b>	<b>81.505.259.911</b>	<b>1.925.697.251</b>	<b>969.333.503</b>	<b>(29.343.453.967)</b>	<b>(23.568.029.175)</b>	<b>169.025.228.278</b>	<b>58.906.564.239</b>
Chứng khoán niêm yết			105.216.273.315	6.167.138.937	30.809.831	312.995.465	(1.702.136.446)	(569.584.334)	103.544.946.700	5.910.550.068
- MBB	7.900.001	390.019	101.910.011.851	4.762.259.751	-	112.977.749	(1.579.999.151)	-	100.330.012.700	4.875.237.500
- PVD	50.031	12	3.121.436.900	416.635	-	33.365	(69.545.900)	-	3.051.891.000	450.000
- NDN	23	77.963	179.023	801.008.823	11.877	-	-	(380.008.623)	190.900	421.000.200
- PXL	29	30.081	103.656	201.999.818	744	-	-	(102.732.518)	104.400	99.267.300
- Cổ phiếu lẻ	-	-	184.541.885	401.453.910	30.797.210	199.984.351	(52.591.395)	(86.843.193)	162.747.700	514.595.068
Chứng khoán Upcom			5.239.353	2.742.353	141.270.000	-	(4.644.753)	-	141.864.600	2.742.353
- Cổ phiếu lẻ	-	-	5.239.353	2.742.353	141.270.000	-	(4.644.753)	-	141.864.600	2.742.353
Chứng khoán chưa niêm yết (*)			71.310.345.488	55.422.792.288	1.753.617.420	656.338.038	(27.634.683.508)	(22.994.058.508)	45.429.279.400	33.085.071.818
- Ngân hàng TMCP An Bình	2.765.584	2.765.584	47.828.111.652	47.828.111.652	-	-	(22.661.297.252)	(22.661.297.252)	25.166.814.400	25.166.814.400
- Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng và Vật Liệu Xây Dựng	100.000	100.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Hóa dầu Dầu khí VIDAMO	192.500	197.500	1.682.327.618	1.726.024.418	11.672.382	-	-	-	1.694.000.000	1.726.024.418
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	702.000	702.000	4.233.677.505	4.233.677.505	1.733.322.495	606.322.495	-	-	5.967.000.000	4.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.036	10.036	206.996.256	206.996.256	-	-	(56.456.256)	(56.456.256)	150.540.000	150.540.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	75.700	75.700	957.605.000	957.605.000	-	-	(276.305.000)	(276.305.000)	681.300.000	681.300.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 45	468.750	-	11.531.250.000	-	-	-	(4.640.625.000)	-	6.890.625.000	-
- Công ty CPTĐ Đầu tư Tài chính An Bình	44.000	-	4.400.000.000	-	-	-	-	-	4.400.000.000	-
- Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	53.000	53.000	150.377.457	150.377.457	8.622.543	50.015.543	-	-	159.000.000	200.393.000
Chứng khoán khác			19.911.126.838	19.912.586.333	-	-	(1.989.260)	(4.386.333)	19.909.137.578	19.908.200.000
- Trái phiếu Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	200.000	200.000	19.908.200.000	19.908.200.000	-	-	-	-	19.908.200.000	19.908.200.000
- Cổ phiếu lẻ đã hủy niêm yết	-	-	2.926.838	4.386.333	-	-	(1.989.260)	(4.386.333)	937.578	-
			<b>196.442.984.994</b>	<b>81.505.259.911</b>	<b>1.925.697.251</b>	<b>969.333.503</b>	<b>(29.343.453.967)</b>	<b>(23.568.029.175)</b>	<b>169.025.228.278</b>	<b>58.906.564.239</b>

(\*) Giá thị trường của Chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình dựa trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi 3 Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin; Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>13.582.733.000</b>	<b>98.926.000</b>	-	<b>2.044.933.922.445</b>	<b>2.058.370.314.195</b>	<b>146.341.250</b>	<b>116.926.000</b>	-	(116.926.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	222.926.000	98.926.000	-	604.400.000	709.400.000	117.926.000	116.926.000	-	(116.926.000)
- Phải thu hoạt động tự doanh	13.308.399.000	-	-	2.042.913.021.000	2.056.221.420.000	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động khác	51.408.000	-	-	1.416.501.445	1.439.494.195	28.415.250	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>3.534.718.400</b>	-	-	<b>11.935.784.820</b>	<b>15.158.720.500</b>	<b>311.782.720</b>	-	-	-
- Ứng trước về mua hàng hóa dịch vụ	3.534.718.400	-	-	11.935.784.820	15.158.720.500	311.782.720	-	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>1.999.523.661</b>	<b>1.390.282.667</b>	-	<b>14.413.001.526</b>	<b>14.098.497.660</b>	<b>2.314.027.527</b>	<b>1.390.282.667</b>	-	(1.390.282.667)
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	6.818.570	6.818.570	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	609.240.994	-	-	14.406.182.956	14.091.679.090	923.744.860	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	1.390.282.667	1.390.282.667	-	-	-	1.390.282.667	1.390.282.667	-	(1.390.282.667)
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>95.454.293.029</b>	<b>15.888.148.377</b>	-	<b>4.439.635.059.142</b>	<b>4.315.727.083.859</b>	<b>219.362.268.312</b>	<b>15.888.248.266</b>	-	(6.405.666.286)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	15.010.052.756	-	-	2.279.214.761.381	2.264.768.993.289	29.455.820.848	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư, margin	78.429.032.577	13.970.236.377	-	2.109.346.088.531	2.050.898.640.465	136.876.480.643	13.970.236.377	-	(4.487.654.397)
- Phải thu khác	2.015.207.696	1.917.912.000	-	51.074.209.230	59.450.105	53.029.966.821	1.918.011.889	-	(1.918.011.889)
	<b>114.571.268.090</b>	<b>17.377.357.044</b>	-	<b>6.510.917.767.933</b>	<b>6.403.354.616.214</b>	<b>222.134.419.809</b>	<b>17.395.456.933</b>	-	<b>(7.912.874.953)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	3.407.120.667	-
Trích lập/hoàn nhập	4.505.754.286	3.407.120.667
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>7.912.874.953</u></b>	<b><u>3.407.120.667</u></b>

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2013	9.473.500.210	16.732.581.304	3.042.161.000	29.248.242.514
Mua sắm	220.000.000	74.430.000	-	294.430.000
Giảm khác (*)	-	(3.153.166.966)	-	(3.153.166.966)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>9.693.500.210</u></b>	<b><u>13.653.844.338</u></b>	<b><u>3.042.161.000</u></b>	<b><u>26.389.505.548</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2013	78.945.835	11.169.799.968	1.566.327.539	12.815.073.342
Trích khấu hao	195.071.856	1.299.077.208	304.216.092	1.798.365.156
Giảm khác (*)	-	(3.011.324.963)	-	(3.011.324.963)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>274.017.691</u></b>	<b><u>9.457.552.213</u></b>	<b><u>1.870.543.631</u></b>	<b><u>11.602.113.535</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2013	9.394.554.375	5.562.781.336	1.475.833.461	16.433.169.172
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>9.419.482.519</u></b>	<b><u>4.196.292.125</u></b>	<b><u>1.171.617.369</u></b>	<b><u>14.787.392.013</u></b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.899.697.824 đồng.

(\*) Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	63.500.000.000	26.581.031.385	90.081.031.385
Mua sắm	61.500.000.000	-	61.500.000.000
Giảm khác (*)	-	(71.227.200)	(71.227.200)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>26.509.804.185</b>	<b>151.509.804.185</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2013	-	12.041.102.242	12.041.102.242
Trích khấu hao	-	3.259.006.076	3.259.006.076
Giảm khác (*)	-	(58.301.279)	(58.301.279)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>-</b>	<b>15.241.807.039</b>	<b>15.241.807.039</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	63.500.000.000	14.539.929.143	78.039.929.143
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>11.267.997.146</b>	<b>136.267.997.146</b>

(\*) Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn vào Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày đầu năm	165.058.379	437.156.503
Tăng	250.540.510	331.220.102
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(237.865.484)	(603.318.226)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>177.733.405</b>	<b>165.058.379</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	165.058.379
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	177.733.405	-
	<b>177.733.405</b>	<b>165.058.379</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.736.318.899	5.667.161.093
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.646.063.375	921.419.129
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.502.382.274</b>	<b>6.708.580.222</b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	4.065.186.450.587	(3.810.028.154.835)	255.158.295.752
Vay ngân hàng	-	4.065.186.450.587	(3.810.028.154.835)	255.158.295.752
	-	<b>4.065.186.450.587</b>	<b>(3.810.028.154.835)</b>	<b>255.158.295.752</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội (*)	255.158.295.752	-
	<b>255.158.295.752</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(\*) Bao gồm các hợp đồng tín dụng và phụ lục kèm theo với tổng số tiền cho vay là 255.158.295.752 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh, chiết khấu tiền gửi và hỗ trợ tín dụng cho nhà đầu tư; thời hạn vay từ 03 đến 16 ngày kể từ ngày nhận nợ; lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2013 từ 9% đến 12%/ năm; hình thức đảm bảo tiền vay quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.320.844	27.110.910
Thuế Thu nhập cá nhân	666.216.467	346.280.526
	<b>670.537.311</b>	<b>373.391.436</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	836.378.392	569.700.999
	<b>836.378.392</b>	<b>569.700.999</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	109.421.966.877	74.320.478.006
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	190.000.000	180.000.000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	30.040.000	190.182.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.174.985.250	612.207.020
	<b><u>110.816.992.127</u></b>	<b><u>75.302.867.026</u></b>

**16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	313.327.794	194.067.423
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	111.322.989	128.597.995
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	340.473.035	239.014.083
	<b><u>765.123.818</u></b>	<b><u>561.679.501</u></b>

**17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2012</b>				
Tại ngày 01/01/2012	397.000.000.000	5.973.357.884	(32.195.089.851)	370.778.268.033
Lãi trong năm	-	-	6.362.912.306	6.362.912.306
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>397.000.000.000</u></b>	<b><u>5.973.357.884</u></b>	<b><u>(25.832.177.545)</u></b>	<b><u>377.141.180.339</u></b>
<b>Năm 2013</b>				
Tại ngày 01/01/2013	397.000.000.000	5.973.357.884	(25.832.177.545)	377.141.180.339
Lãi trong năm	-	-	3.052.170.161	3.052.170.161
Tại ngày 31/12/2013	<b><u>397.000.000.000</u></b>	<b><u>5.973.357.884</u></b>	<b><u>(22.780.007.384)</u></b>	<b><u>380.193.350.500</u></b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	42,50%	168.705.620.000	42,50%	168.705.620.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28,93%	114.868.530.000	28,93%	114.868.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	5,20%	20.644.000.000	8,65%	34.350.000.000
Ông Đào Mạnh Kháng	6,34%	25.150.000.000	6,34%	25.150.000.000
Các cổ đông khác	17,03%	67.631.850.000	13,58%	53.925.850.000
	<b><u>100%</u></b>	<b><u>397.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>397.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	397.000.000.000	397.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18 . DOANH THU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>54.522.055.285</b>	<b>58.679.689.949</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	17.543.630.132	16.775.708.818
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.781.420.421	7.175.686.560
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.606.818.570	300.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.184.756.447	872.430.252
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.497.842.192	1.297.193.738
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	271.565.182	144.761.819
- Doanh thu khác	25.636.022.341	32.113.908.762
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>54.522.055.285</b>	<b>58.679.689.949</b>

**19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	5.321.222.535	5.948.686.635
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	178.961.842	8.112.415.426
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	176.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn	176.670.000	19.545.455
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.601.311.001	1.777.975.081
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	5.775.424.792	(2.623.155.544)
Chi phí khác	3.025.809.928	2.442.291.774
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.079.400.098</b>	<b>15.853.758.827</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.688.308.766	13.937.671.867
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.259.050.514	1.150.193.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.057.371.232	5.796.536.067
Thuế, phí và lệ phí	19.500.000	11.000.000
Chi phí dự phòng	4.505.754.286	3.407.120.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.844.643.338	8.672.573.702
Chi phí khác bằng tiền	3.853.457.050	2.807.371.933
	<b>36.228.085.186</b>	<b>35.782.467.740</b>

**21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.052.170.161	6.362.912.306
Các khoản điều chỉnh tăng	2.769.420.102	3.452.280.667
- Chi phí không hợp lệ	2.769.420.102	3.452.280.667
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.821.590.263)	(9.815.192.973)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.769.420.102)	(3.611.875.672)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.052.170.161)	(6.203.317.301)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	3.052.170.161	6.362.912.306
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.052.170.161	6.362.912.306
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.700.000	39.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>77</b>	<b>160</b>

**23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.948.022.681	-	102.136.943.628	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	221.822.637.089	(7.912.874.953)	111.036.549.690	(3.407.120.667)
Đầu tư ngắn hạn	196.442.984.994	(29.343.453.967)	81.505.259.911	(23.568.029.175)
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	<b>627.213.644.764</b>	<b>(37.256.328.920)</b>	<b>314.678.753.229</b>	<b>(26.975.149.842)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			255.158.295.752	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác			112.041.593.609	76.664.348.571
Chi phí phải trả			836.378.392	569.700.999
			<b>368.036.267.753</b>	<b>77.234.049.570</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.948.022.681	-	-	188.948.022.681
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	213.909.762.136	-	-	213.909.762.136
Đầu tư ngắn hạn	167.099.531.027	-	-	167.099.531.027
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	<b><u>569.957.315.844</u></b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>589.957.315.844</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.136.943.628	-	-	102.136.943.628
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	107.629.429.023	-	-	107.629.429.023
Đầu tư ngắn hạn	57.937.230.736	-	-	57.937.230.736
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	<b><u>267.703.603.387</u></b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>287.703.603.387</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	255.158.295.752	-	-	255.158.295.752
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	112.041.593.609	-	-	112.041.593.609
Chi phí phải trả	836.378.392	-	-	836.378.392
	<u><u>368.036.267.753</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>368.036.267.753</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	76.664.348.571	-	-	76.664.348.571
Chi phí phải trả	569.700.999	-	-	569.700.999
	<u><u>77.234.049.570</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>77.234.049.570</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	17.543.630.132	6.781.420.421	30.197.004.732	54.522.055.285	-	54.522.055.285
Chi phí bộ phận trực tiếp	5.321.222.535	5.954.386.634	9.309.545.215	20.585.154.384	-	20.585.154.384
Chi phí không phân bổ	10.207.334.212	3.945.604.425	17.569.392.263	31.722.330.900	-	31.722.330.900
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.015.073.385</b>	<b>(3.118.570.638)</b>	<b>3.318.067.254</b>	<b>2.214.570.001</b>	<b>-</b>	<b>2.214.570.001</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	239.642.140.268	287.435.391.435	224.140.684.485	751.218.216.188	-	751.218.216.188
<b>Tổng tài sản</b>	<b>239.642.140.268</b>	<b>287.435.391.435</b>	<b>224.140.684.485</b>	<b>751.218.216.188</b>	<b>-</b>	<b>751.218.216.188</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	205.465.706.424	30.361.657.071	135.197.502.193	371.024.865.688	-	371.024.865.688
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>205.465.706.424</b>	<b>30.361.657.071</b>	<b>135.197.502.193</b>	<b>371.024.865.688</b>	<b>-</b>	<b>371.024.865.688</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



